

Mọi quý vị hãy đọc để hiểu ý nghĩa và giá trị của “Hàn Lâm Viên”

HÀN LÂM VIÊN N C TA



Vườn bia trước khi tu sửa - Văn Miếu Quốc Tử Giám, Hà Nội - Việt Nam

Trước khi xin có vài hàng giới thích ba chữ Hàn Lâm Viên. Đây là một danh từ kép Hán Việt thu nhập của loạ Văn học. Theo Tô Nguyên, HÀN là chữ dùng để chỉ một giống gà có lông đen do người nước Thục nhập cho Chu Thanh Vương; giống gà này còn được gọi là Cơm Kê (gà lông gôm). Theo Tô Hỷ (tên đời) Hàn có nghĩa là lông gà hay bất cứ loài chim nào dai và cứng.

Ngày trước, khi bút viết chưa được sáng chế, người Tàu dùng lông gà, lông chim để làm bút viết cho tới khi bút viết được phát minh. Do đó Hàn Lâm nghĩa đen là rừng lông, tức là rừng bút, còn nghĩa bóng là rừng văn học, nhưng danh từ Hàn lâm viên hiểu theo nghĩa là viên coi và chuyên về văn học thì mãi tới đời Đường mới xuất hiện ở Trung Quốc và tới đời Lý mới có ở nước ta.

Từ đời Lý, Viên Nam đã có Hàn lâm viên.

Năm Bính Dần (1086), vua Lý Nhân Tông mở khoa thi tuyển những người có văn học vào Hàn lâm viên; khoa thi này Mở Hiên Tích để đưa và được bổ nhiệm làm Hàn lâm học sĩ.

Đời Trần (1225-1400) có đợt thêm chức Hàn lâm thừa chế, là một chức vụ rất quan trọng, thường do Thái sư kiêm nhiệm. Đời đời Trần Nhân Tông, Thái sư Đinh Công được bổ nhiệm làm Hàn lâm học sĩ, kiêm Nội Mật Viện, chuyên việc soạn chiếu thư. Đời các triều vua kế tiếp, các quan Hàn Lâm đều là những bậc văn học danh nho như Nguyễn Trung Ngạn, Trần Hưng Đạo, Lê Quát, Hồ Tôn Hiến, trước sau đều đảm nhiệm chức Hàn lâm.

Đời đời Lê (1418-1789) Hàn lâm viên có những chức như: Phó ng chế học sĩ, Thừa chế, Thừa giám, Tróc học sĩ, v.v. Sau có thêm chức Đãi học sĩ để chỉ quan Viên trông.

Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đổi nhọ Viên Hàn lâm, bãi chức Đãi học sĩ và đợt những chức Thừa chế, Thừa giám, Thừa chế, Thừa chế, Đãi chế, Hiên lý, Tu soạn, Kiểm thảo, v.v.

Đời Lê Trung Hưng (vua Lê, chúa Trịnh) vẫn giữ nguyên như vậy không thay đổi gì.

Tới triều Nguyễn, vua Thánh Tổ (Minh Mạng) quy định nhọ danh hiên và phẩm trật các quan trong Viên Hàn lâm như sau:

Chánh tam phẩm: Chế chế viên học sĩ, Tróc học sĩ

Chánh tứ phẩm: Thừa chế học sĩ

Tông tứ phẩm: Thừa giám học sĩ

Chánh ngũ phẩm: Hàn lâm viên thừa chế

Tông ngũ phẩm: Hàn lâm viên thừa giám, Thừa chế

Chánh lục phẩm: Hàn lâm viên trông tác

Lịch sử HÀN LÂM VIỆT N ố n ố c ta và ố Pháp qu ố c

Tác Giả: Vũ Anh Tuấn

Chúa Nhật, 07 Tháng 8 Năm 2011 06:02

Tồng l ố c ph ố m: Hàn lâm vi ố n tu so ố n

Chánh th ố t ph ố m: Hàn lâm vi ố n biên tu

Tồng th ố t ph ố m: Hàn lâm vi ố n ki ố m th ố o

Chánh bát ph ố m: Hàn lâm vi ố n đi ố n t ố ch (sau đ ố i là ki ố m t ố ch)

Tồng bát ph ố m: Hàn lâm vi ố n đi ố n b ố (sau đ ố i là ki ố m b ố)

Chánh c ố u ph ố m: Hàn lâm vi ố n cung ph ố ng

Tồng c ố u ph ố m: Hàn lâm vi ố n đ ố i chi ố u

L ố ố ng b ố ng nhà vua đ ố nh ố chánh tam ph ố m m ố i năm ti ố n 150 quan, g ố o 120 ph ố ố ng, ti ố n xuân phúc 20 quan, rút đ ố n xu ố ng cho t ố i tồng c ố u ph ố m m ố i năm 18 quan ti ố n l ố ố ng, 16 ph ố ố ng g ố o và ti ố n xuân phúc 4 quan

(Tài li ố u c ố a Lê Văn Hoè).

CÁC HÀN LÂM VIỆT N ố PHÁP QU ố C



Tr ố c khi nh ố c t ố i các Hàn lâm vi ố n, ta nên bi ố t ngu ố n g ố c t ố “Académie” (Hàn lâm vi ố n) là nh ố th ố nào:

“H ố i th ố k ố th ố V, ố cách thành ph ố Athenes (Nhã Đ ố n) kho ố ng 2 cây s ố ố phía Tây B ố c có m ố t khu đ ố t mang tên m ố t v ố anh hùng ố đ ố a ph ố ố ng là Akademos. Sau đ ố khu đ ố t này đ ố c m ố t ng ố ố i tên là Hipparque le Pisistratides xây thành m ố t sân v ố n đ ố ng. Nhà hi ố n tri ố t Platon ngày ngày th ố ố ng t ố i đ ố đ ố gi ố ng d ố y cho các đ ố t ố c ố a ông. Do đ ố v ố sau h ố c ph ố i và h ố c thuy ố t (Platonisme) c ố a ông đ ố c g ố i là Akademos, Akademos, hay Académie. Sau này, khi đ ố c dùng m ố t cách r ố ng nghĩa ra, t ố Académie ch ố m ố t đoàn th ố văn sĩ, thi sĩ, ngh ố sĩ nào có t ố ch ố c.

Hàn lâm vi ố n hay Académie đ ố u tiên ố Pháp là Hàn lâm vi ố n Âm nh ố c và Thi ca đ ố c thành l ố p năm 1570 b ố i vua Charles IX và do m ố t ng ố ố i tên là Antoine de Baif c ố m đ ố u. N ố i t ố h ố p là t ố i m ố t ng ố i tr ố ố ng tên là Boncourt (hi ố n nay là ph ố Descartes – Paris).

Sau khi vua Charles IX qua đ ố i vào năm 1574, Hàn lâm vi ố n này đ ố c thay th ố b ố i Hàn lâm vi ố n Cung Đ ố i (Académie du Palais) và đ ố t tr ố s ố ố ngay tri ố u đ ố i c ố a vua Henri III, ố trong đ ố n Louvre. Ng ố ố i đ ố ng đ ố u là Guy de Pibrac (1529-84), và đ ố c bi ố t là Hàn lâm vi ố n này có nhi ố u thành viên là các bà, trong đ ố có hai n ố thành viên n ố i b ố t là bà Th ố ng ch ố De Retz và bà De Lignerolles. Hàn lâm vi ố n này b ố gi ố i th ố vào năm 1589 khi Henri III qua đ ố i. Năm 1663 Ti ố u Hàn lâm vi ố n (Petite Académie) đ ố c thành l ố p và là ti ố n thân c ố a Hàn lâm vi ố n Kh ố o c ố (Académie des Inscriptions et belle lettres). Nh ố ng tr ố c đ ố m ố y ch ố c năm, vào năm 1635, Hàn lâm vi ố n Pháp qu ố c, t ố c là Hàn lâm vi ố n quan tr ố ng nh ố t, l ố ng danh kh ố p hoàn c ố u, mà tinh th ố n g ố n nh ố t v ố i n ố c ta và n ố c Tàu ngày x ố a, vì b ố n thân nó là m ố t Vi ố n Hàn lâm chuyên v ố m ố t văn h ố c. Ngoài ra còn có Hàn lâm vi ố n Khoa h ố c (Académie des Sciences) và Hàn lâm vi ố n M ố thu ố t (Académie des Beaux-Arts) đ ố c thành l ố p năm 1795.

Trong ph ố m vi bài này, chúng tôi ch ố xin nói v ố Hàn lâm vi ố n Pháp qu ố c (Académie Française). Tho ố t k ố thu ố Hàn lâm vi ố n này ch ố là m ố t cu ố c t ố h ố p thân m ố t c ố a m ố t s ố b ố n thân g ố m có Boisrobert, linh m ố c de Cérizy, Chapelain, Desmarets, Godeau, Gombauld, Giry, Habert,

Malleville và de Cérizy em. Những người này mới tuôn góp nhau một hai lòn tí nhà của Valentin Conrart (1603-75) là một bí thư của nhà vua và là một học giả Tin lành, pháp St. Martin. Họ họp nhau thảo luận, bàn cãi về đời sống, văn học, khoa học, công, t, th, i s v.v. Vào năm 1663, Boisrobert, một thành viên trong nhóm là bí thư của Hoàng Y Giáo Chủ Richelieu, đã giới thiệu nhóm này với Giáo Chủ. Ông này, vốn tính đa nghi, đã vội vã đưa nhóm này vào một tổ chức do mình bỏ ra tiền để kiểm soát. Số thành viên tăng từ chín thành mười hai, rồi từ mười hai lên ba mươi và tiếp tục tăng. Một cuộc họp đầu tiên gồm toàn bộ các thành viên của tổ chức mới này được triệu tập vào ngày 13 tháng 3 năm 1634 – và một tuần lễ sau, vào ngày lịch sử 20 tháng 3 năm 1634, tổ chức này chính thức lấy tên là Hàn lâm viện Pháp quốc. Ngày 29 tháng Giêng năm 1635, vua Louis thứ XIII ban lệnh chính thức công nhận tổ chức và Giáo chủ Richelieu trở thành người bỏ ra tiền chính thức của Hàn lâm viện.

Từ năm 1639 số hội viên tăng lên thành 40 người, và đó là con số căn bản duy trì cho tới ngày nay, chỉ khi nào có một hội viên nào qua đời thì mới được bổ sung người khác thay thế. Bốn mươi lăm tháng 1635 được Hoàng Y Giáo Chủ Richelieu duy trì ngay. Nhiệm vụ Hoàng Y Richelieu giao cho Hàn lâm viện là, với tư cách một cơ quan văn học, đứng ra thẩm định và in những tác phẩm trong nước, và để đạt mục tiêu đó Hàn lâm viện phải soạn một bộ Từ điển, một bộ Thi học và một bộ Văn phạm.

Từ nay bộ Từ điển và bộ Văn phạm của Hàn lâm viện Pháp đã được soạn thảo.

Với bộ Từ điển, bốn bộ đầu tiên đã được trình lên vua Louis XIV ngày 24 tháng 8 năm 1693 (59 năm sau ngày thành lập), 2 tập, do các đứng đầu như Chapelain, Vaugelas, Mezeray và Regnier Desmarais, gồm 18,000 từ sắp xếp theo ngữ căn. Bốn bộ tiếp theo được trình lên Louis XV ngày 28 tháng 6 năm 1718, cũng hai tập, trong bốn bộ này thì theo bộ chữ cái đã được áp dụng. Bốn bộ tiếp theo được trình ngày 8 tháng 9 năm 1740, cũng in làm hai tập và trong bốn bộ này vì có sự đóng góp các tác phẩm âm đã được khái quát hoá. Bốn bộ tiếp theo ra đời ngày 10 tháng 2 năm 1762 cũng hai tập. Bốn bộ tiếp theo năm ra đời năm 1798 mang tựa đề mới Từ điển của Hàn lâm viện Pháp, có sự ảnh hưởng và bổ sung bởi chính Hàn lâm viện, do Morellet lúc đó làm thẩm định ký thẩm định và là người đã giúp cứu thoát được bộ từ điển trong năm 1793 (thời kỳ Địch kháng). Bốn bộ tiếp theo sáu lần mang một tựa đề mới: Pháp Quốc Học Viện. Từ điển của Hàn lâm viện Pháp, khoảng 30,000 từ. Bốn bộ tiếp theo bảy do nhà xuất bản Firmin-Didot in năm 1878 (có thêm 2500 từ mới). Bốn bộ tiếp theo tám ra đời trong khoảng thời gian 1932-35 có khoảng 35,000 từ. Và ngay trong lúc này, bộ từ điển của Hàn lâm viện Pháp đã trở thành một phần trong khoảng thời gian từ 1992-2004 số có khoảng 50,000 từ trong đó có 300 từ có gốc từ nước ngoài và 6000 từ mới. Tập đầu tiên (A-Enzyme được 17,500 từ) đã được in trong Quán Quốc Gia vào tháng 11 năm 1992 và được nhà xuất bản Julliard cho ra đời để in những cuốn sách bìa túi bìa mềm. Phần còn lại sẽ được tiếp tục in ra tiếp.

Tuy là bộ từ điển của Hàn lâm viện những hình ảnh giới thiệu tiêu dùng không chú ý nó bằng các từ điển khác của các nhà xuất bản danh tiếng khác như Hachette, Larousse, Robert, v.v. Với một văn phạm thì năm 1932, một cuốn Văn Phạm của Hàn lâm viện Pháp đã được nhà xuất bản Firmin-Didot cho ra đời dày 254 trang, không mang tên tác giả, nhưng sau người ta được biết tác giả là ông Hàn Abel Hermant soạn chung với một giáo sư trường trung học Buffon tên là Camille Aymonnier (một học sĩ không có chân trong Hàn lâm viện). Cuốn sách bị chỉ trích phê phán từ bài (nhất là bài Ferdinand Brunot), cuối cùng Hàn lâm viện đã chỉ bị không chú ý như anh.

Kể từ khi mới được thành lập, một trong những điều đầu tiên có khoảng bốn trăm người thành viên phải cung kính tôn trọng đức hạnh của Hoàng Y Giáo Chủ Richelieu là người sáng lập. Do đó, một cuộc ông này đã xóa bỏ điều đầu tiên đó, nhưng khi ông còn sống thì, thành viên nào khi mới được bổ

vào vì n cũng phải làm một bài chúc tụng khen ngợi, ca tụng đức độ của ngài. Và xuất phát từ thói quen đó, sau này, mới thành viên mới được bổ vào phải làm một chúc tụng khen ngợi người mình thay chân trong vị n. Sau đó còn phải làm một nhiệm vụ khác là phải cùng đi với ban trợ sự của vị n để đón chào mừng Tổng thống hay Quốc trưởng.

Năm 1812, đại văn hào Chateaubriand được bổ vào vị n, nhưng ông nhất định không chịu so sánh bài di văn ca ngợi Chénier, là nhà cách mạng thì Địch Cách Mạng mà ông thì v; đồng thời, ông cũng không muốn vào bộ kiển Napoléon. Kết quả Hàn lâm viện và nhữn Chateaubriand và miễn cho ông không phải đọc bài di văn như thường lệ.

Thời quân chủ có khi được bổ vào rồi mà nhà vua không ưng thì cũng không vào được. Như trường hợp của thi sĩ Piron (1689-1770) là một thi sĩ có tài trào lộng và đã nhiều lần làm thơ chửi nhữo Hàn lâm viện vì ông chửi được vô vị n mà c dù đã ưng cử nhữu lần; nhưng sau ông được cử thì lại bị Louis XV không ưng; nhà vua ân thưởng cho thi sĩ 1000 quan mới năm để bù vào ghế ông Hàn của ông. Quá bực mình, nhà thơ viết sữn hai câu thơ sau đây để ghi trên bia mộ của chính mình:

“Ci-git Piron qui ne fut rien pas même académicien.”

(đây là nhữi yên Piron yên nghữ, sinh thời chửng làm được gì, ngay cả chửc vị n sĩ hàn lâm cũng vữy).

Trong lịch sử Hàn lâm viện Pháp, đã có nhữu lúc người ta muốn có những bà Hàn, nhưng phải đợi mãi tới năm 1980 nhà văn nữ Marguerite Yourcenar mới là phải đầu tiên được bổ vào Hàn lâm viện Pháp, tức rằng bà chử trong Viện được có 7 năm vì bà sinh năm 1903 và mất năm 1987. Sau khi bà được bổ vào Viện, ông Hàn d’Ormesson đã nói tu rằng: “tử nay Viện sĩ có hai phòng toa lét, một để là của Quý Ông và một để là của Marguerite Yourcenar. Sau khi Marguerite Yourcenar qua đời, ngày 24 tháng 11 năm 1988, Jacqueline de Romilly (sinh 1913) được bổ vào ghế của André Roussin, và ngày 13 tháng 12 năm 1990, Hélène Carrère d’Encausse (sinh năm 1929) được bổ vào ghế của Jean Mistler.

Năm 1760 D’Alembert muốn đưa người bạn gái của ông là Julie de Lespinasse vào Viện nên đã đề nghị là trên tụng sữ 40 ghế, nên dành 4 ghế cho phải nữ, nhưng đề nghị của ông không được chấp thuữn. Sau đó Hàn lâm viện có ý định những người mất ghế cho nữ văn sĩ de Genlis nữ u bà này chấp tu bử không viết một bửn tuyên ngôn chửng lữi các nhà làm Địch Bách Khoa Tổng Địch n, nhưng nhữ văn sĩ này chê không chấp thuữn đề nghị trên.

Trong lịch sử Hàn lâm viện đã có những ông Hàn sống rất lâu, và 4 người sống lâu nhất là Fontenelle (99 tuữi và mữy tháng, gữn 100 tuữi), Mis De Saint-Aulaire (98 tuữi), tụng Weygand (97 tuữi) và Julien Green cũng 98 tuữi.

Nhưng người chửt trẻ nhất là Phillippe Habert (năm 32 tuữi), Duc de la Trémoille (năm 35 tuữi), Montigny (năm 37 tuữi) và Hoàng Y De Soubise (năm 39 tuữi).

Trong số các ông Hàn cũng đã có ba ông tụng kết liễu đời mình đó là: Auger, tụng thơ ký tụng tụng tụng đã nhữy của Des Arts xuất tụng sông Seine ngày 2 tháng 1 năm 1829, Prevost-Paradol tụng vữn ngày 11 tháng 7 năm 1870 và gữn đây văn sĩ Montherland đã tụng kết liễu đời mình ngày 21 tháng 9 năm 1972.

Cũng trong lịch sử Hàn lâm viện Pháp, đã có những ông Hàn bị tụng ra khỏi của Hàn lâm viện, tuy rằng những trường hợp này rất hiếm. Đửi chử để Quân Chủ có ba người bị đửi ra: Auger de Mauléon de Granier (14-5-1636) vì đã lữa gữt tụng của một tu vị n. Furetière bị đửi ra ngày 22-1-1685 vì đã cho ữn hành một cuốn tụng điữn sải tụng nhữu tài liệu của cuốn tụng điữn của Hàn lâm viện. Linh mục de St. Pierre bị đửi ra năm 1718 vì đã để phá công việc cai tụng của Louis XIV trong một tác phẩm của ông. Thời Địch chử được tái lập năm 1816 có 11 người bị đửi khỏi Hàn lâm viện là các ông Hàn: Sieyès, Merlin de Douai, Lucien Bonaparte, Cambacérès, Hoàng Y

Maury, Maret, Regnault de St. Jean d'Angély, Arnault, Garat, Roederer, Étienne, những người này đã thay thế bởi 9 ông Hàn do nhà vua chỉ định.

Hiện đây, dưới thời Đế chế Cộng hòa, có 4 ông Hàn rất nổi tiếng báo chí là: Abel Bonnard, Tổng Trưởng Giáo Dân trong chính phủ Vichy thân Đế chế, báo chí hình năm 1968. Abel Hermant, nhà báo thân Đế chế và cộng tác viên Đế chế, báo chí ra năm 1944, báo chí tù và mất năm 1950.

Charles Maurras, báo chí chung thân và chết năm 1952 và cuối cùng là Tổng trưởng Pétain báo chí mất năm 1945 và qua đời năm 1952.

Trên đây là một số thông tin về Hàn lâm viện Pháp, còn về Viện Việt Nam chúng ta, bao giờ thì chúng ta có Hàn lâm viện đây? Xin hãy chờ xem.

- Tổng hợp một số tài liệu của Lê Văn Hoè, Tiểu sử
- Sách "Au bonheur des mots" và sách "Quid Year 2000".

Nhà văn Lê Văn Hoè, bút danh là Lê Văn Học, sinh ngày 1-11-1911, quê làng Mộ Xá, huyện Chàng M, tỉnh Hà Đông (nay là huyện Chàng M, thành phố Hà Nội).

Thuở nhỏ ông học ở Hà Nội, đang học tại trường Trung học Albert Sarraut, ông tham gia bãi khóa nhân lễ truy điệu Phan Châu Trinh nên bị đuổi học. Từ đó ông thôi học và trở nên mất nhà báo, nhà nghiên cứu có khả năng thơ ca. Có lúc ông làm chủ bút tờ Ngõ Báo, và trở bút các tờ Trung Bắc chí nh, Tri Tân, Thanh Nghệ, Quốc Gia... (Hà Nội) chuyên nghiên cứu văn học Việt Nam và triết học Trung Quốc.

Sau năm 1945, ông tham gia các hoạt động văn hóa và xã hội trong Hội Văn hóa cứu quốc. Sau năm 1954, ông trở lại dạy học tại các trường Trung học ở miền Bắc.

Ông mất ngày 13-12-1968 tại Hà Nội, thọ 67 tuổi.

Tác phẩm

- Quốc sử định nghĩa (1941)
- Thi nghệ (1941)
- Thi thoại (1942)
- Tâm nguyên thể diện (1942)
- Khảo luận học thuyết (1943)
- Học thuyết Mác (1942)
- Tìm hiểu tư tưởng Việt (1952)
- Tư tưởng chính trị (1953)
- Những bài học lịch sử, 5 tập (1953)
- Truy vấn Kịch chú giải (1952)
- Cung oán chú giải (1954)
- Triết lý Truy vấn Kịch (1954)... và nhiều tác phẩm khác